

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2017/HSST

Ngày 05-12-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

2. Bà Võ Thị Hương Giang.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Ngô Hồng Thanh, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Tùng, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 21/2017/HSST ngày 24 tháng 10 năm 2017, đối với bị cáo:

Nguyễn Tấn T (còn có tên là T Hoa, T Hòa), sinh năm 1991, tại Đồng Tháp, trú tại: khóm A, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; con ông Nguyễn Tấn Đ và bà Lê Thị H; tiền sự: 01 lần (Ngày 27/7/2017 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A, thị xã H ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường thời hạn 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.); tiền án: 02 lần (Ngày 15/9/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 03 năm tù về “tội cướp tài sản”, đến ngày 30/8/2013 chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích. Ngày 14/5/2015 bị Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm tù về “tội trộm cắp tài sản”, đến ngày 29/01/2016 chấp hành xong hình phạt tù.); ngày bị tạm giữ 06 tháng 10 năm 2017; ngày bị tạm giam 09 tháng 10 năm 2017; có mặt.

Người bị hại: Trần Vô K, sinh năm 1974; nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 09 giờ ngày 10/7/2017, Công an xã L, huyện H đang tuần tra giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn phát hiện Nguyễn Tấn T có biểu hiện nghi vấn nên mời về trụ sở kiểm tra, kết quả T dương tính với ma túy. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, T bỏ trốn. Trên đường đi đến ấp L, xã L, huyện H, T phát hiện xe mô tô hiệu LINMAX, biển kiểm soát 54F1-3289, màu đen xám, của anh Trần Vô K dựng trên đường, không người trông coi, chìa khóa vẫn còn trên xe, nên T nảy sinh ý định trộm xe bán lấy tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng. T lấy xe khởi động máy chạy đi thì anh K phát hiện, truy hô và trình báo Công an. T điều khiển xe chạy đến bên đò Số 3 thuộc ấp Long Hưng, xã L thì bị người dân và Công an xã L bắt giữ. Sau đó, T trốn khỏi địa phương, đến ngày 06/10/2017, bị bắt theo Quyết định truy nã.

Vật chứng thu giữ: Một xe mô tô nhãn hiệu LINMAX, màu đen xám, biển kiểm soát 54F1-3289, số khung MU81-306996, số máy FMH-A306996.

Biên bản và Kết luận định giá tài sản số 06 ngày 18/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H kết luận giá trị còn lại của xe mô tô nêu trên là 2.500.000đ (bút lục số 03-04).

Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng và trao trả lại xe mô tô nêu trên cho chủ sở hữu là người bị hại Trần Vô K nhận xong và không yêu cầu bồi thường khoản nào khác.

Tại bản cáo trạng số 22/CT-VKS ngày 22 tháng 10 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp đã truy tố Nguyễn Tấn T về “Tội trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 (sau đây viết tắt là BLHS). Về dân sự và vật chứng đã giải quyết xong nên không đề cập đến.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ nội dung cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của BLHS, xử phạt bị cáo T từ 18 đến 24 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Tấn T đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung của cáo trạng, phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, như: biên bản ghi lời khai của người bị hại, người làm chứng, biên bản thu hồi tang vật, các biên bản hoạt động điều tra...

Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, vì muốn có tiền tiêu xài không cần phải lao động, bị cáo đã nảy sinh ý định lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Bị cáo đã lợi dụng lúc người bị hại mất cảnh giác, không bảo quản tốt tài sản của mình, nên bị cáo đã lén lút lấy trộm tài sản là chiếc xe mô tô trị giá 2.500.000đ.

Với các tình tiết, chứng cứ của vụ án như phân tích trên, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo T phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của BLHS. Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Ý kiến phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên là phù hợp nên chấp nhận. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 138 của BLHS như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

Tội phạm bị cáo gây ra không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, làm cho nhân dân hoang mang lo lắng, không an tâm vì tài sản của mình có thể bị mất trộm. Tuy nhiên, trong vụ án này, người bị hại đã không bảo quản tài sản của mình cẩn thận, để nguyên chìa khóa trên xe là tạo điều kiện thuận lợi cho bị cáo dễ dàng trộm cắp. Bản thân bị cáo còn trẻ, nhưng đã từng có 02 tiền án. Đáng lẽ mỗi khi chấp hành hình phạt xong, bị cáo phải tìm cho mình một công việc phù hợp, sống bằng chính nguồn thu nhập hợp pháp của mình, nhưng bị cáo không làm được điều đó, với bản chất lười biếng lao động, muốn có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo lại tiếp tục con đường phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự bất chấp, xem thường pháp luật, nên phải xử phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo có 02 tiền án, tuy nhiên tại bản án số 18/2015/HSST ngày 14/5/2015 của Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự xử phạt bị cáo về “Tội trộm cắp tài sản” thì giá trị tài sản chiếm đoạt là 1.162.000đ, chưa đủ định lượng 2.000.000đ theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS, nhưng do bị cáo đã phạm “Tội cướp tài sản” trước đó nên mới đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do đó, Viện kiểm sát không áp dụng tình tiết “tái phạm nguy hiểm” để truy tố bị cáo theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 của BLHS mà chỉ áp dụng tình tiết tăng nặng “tái phạm” theo điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS là có căn cứ nên chấp nhận.

Xét về nhân thân của bị cáo là thành phần nhân dân lao động, trình độ học vấn thấp; bị cáo thật thà khai báo thể hiện sự ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của BLHS, nên Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Xét tính chất, mức độ, ý thức phạm tội của bị cáo và hậu quả gây ra, phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để có điều kiện răn đe, giáo dục, giúp bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội và phòng ngừa chung cho những ai có tư tưởng như bị cáo.

Ngoài ra, bị cáo trình bày trong thời gian bỏ trốn, bị cáo còn thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật trên một số địa bàn khác (như ở thị xã Tân Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, huyện Tân Hồng, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp) chưa xác định được người bị hại, Viện kiểm sát đã tách ra để xử lý bằng các vụ án khác theo quy định chung, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về vật chứng và trách nhiệm dân sự đã xử lý xong không đề cập đến.

Về án phí: Bị cáo bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn T phạm “Tội trộm cắp tài sản”;
- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009);
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 06 tháng 10 năm 2017.
- Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, khoản 1 tiểu Mục I Mục A của Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết, buộc bị cáo Nguyễn Tấn T chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).
- Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo, người bị hại có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an huyện Hồng Ngự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú